

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HS-PT
Ngày 07-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Bùi Quang Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2018/TLPT-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Trần Quốc A do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Quốc A**, sinh năm 1985 tại Bến Tre; nơi cư trú: Số 201C, đường Phan Đình Phùng, Khu phố 6, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: phụ giúp gia đình; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Q; vợ Phan Thị Ngọc D; có 01 con sinh năm 2009; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo tại ngoại.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Luật sư Lê Văn S – Văn phòng Luật sư Lê Sthuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang;

Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp 6, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hậu Giang;

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông Cao Duyệt P – Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre;

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Do bản thân là người nghiện ma túy nên vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, Trần Quốc A điều khiển xe mô tô biển số 71B2-614.58 do A đứng tên chủ sở hữu đi từ thành phố B, tỉnh Bến Tre đến khu vực phà Rạch Miễu cũ thuộc thành phố M, tỉnh Tiền Giang gặp người thanh niên tên Truyền mua 01 gói ma túy đá với giá 450.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, A giấu ma túy vào bóp da màu đen và cho vào túi quần bên phải phía trước rồi điều khiển xe mô tô về nhà nghỉ số 168 thuộc Khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre thuê phòng trọ số 03 gặp bạn gái tên Nguyễn Thị Ngọc T để cùng sử dụng ma túy. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 02/01/2018, A định lấy ma túy ra cùng sử dụng với T thì lực lượng Công an vào kiểm tra, phát hiện nên mời A về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 túi nylon màu trắng, hàn kín 04 đầu, bên trong có chứa tinh thể hạt li ti; số tiền 7.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số IMEI: 353300072843201; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia số IMEI: 359182058789101; 01 quyển tập học sinh có nhiều chữ viết và số; 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B2-614.58 nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn trắng đỏ, số máy E3R7E049592, số khung: 9210FY049586, số loại Novou SX; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Quốc A.

Theo kết luận giám định số 411/C65B ngày 12/01/2018 của Phân viện Khoa học Hình sự - Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong túi nylon được niêm phong gửi đến giám định là ma túy có khối lượng 0,6047 gam, loại methamphetamine.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018/HS-ST ngày 16-5-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Quốc A phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Quốc A 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung công quỹ 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B2-614.58 nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn trắng đỏ, số máy E3R7E049592, số khung: 9210FY049586, số loại Novou SX do Trần Quốc A đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn ghi nhận và xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/5/2018, bị cáo Trần Quốc A nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại đồng thời yêu cầu tuyên trả lại xe mô tô biển kiểm soát 71B2-614.58 nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn trắng đỏ, số máy E3R7E049592, số khung: 9210FY049586, số loại Novou SX cho bị cáo vì xe không liên quan đến hành vi phạm tội bị truy tố.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai ngày 01/01/2018 bị cáo mua chất ma túy về để sử dụng, gói ma túy khi kiểm tra thu giữ là của bị cáo, phù hợp với lời khai

của chị Nguyễn Thị Ngọc T gói ma túy khi kiểm tra thu giữ là của bị cáo A.

Kiểm sát viên cho rằng bị cáo kháng cáo làm trong hạn luật định, xét kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, cụ thể: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Quốc A 01 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Phần áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu của Trần Quốc A để sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B2-614.58 nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn trắng đỏ, số máy E3R7E049592, số khung: 9210FY049586, số loại Novou SX. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là người làm chứng Ngọc T chỉ được mời duy nhất có một lần để lấy lời khai nhưng thể hiện trong hồ sơ có nhiều lời khai; lời khai (BL 91-94) không ghi ngày, giờ, tháng, năm, tại biên bản lấy lời khai (BL 64-74) không có chữ ký đầy đủ của người lấy lời khai; Về dấu hiệu tội phạm anh A tàng trữ chất ma túy là tép đã sử dụng rồi, còn tép ma túy bị thu giữ về hành vi khách quan thì anh A chưa cất giữ, vì cô T1 cất giấu ma túy vào bóp của A, A chưa có lúc nào cất giấu tép ma túy này; về xử lý vật chứng A không cất giấu ma túy trong xe mà cất giấu trong bóp nên tịch thu bóp là có cơ sở theo Điều 98 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo do có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, hành vi của bị cáo chưa thỏa mãn dấu hiệu của tội tàng trữ và đề nghị xem xét trả lại xe cho bị cáo.

Lời nói sau cùng: bị cáo biết lỗi, thấy sai, yêu cầu xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo chỉ mượn mua ma túy để sử dụng mà thôi, yêu cầu xem xét trả xe cho bị cáo vì xe là phương tiện đi lại của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: khoảng 21 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, Trần Quốc A điều khiển xe mô tô biển số 71B2-614.58 đi từ thành phố B, tỉnh Bến Tre đến khu vực phà Rạch Miếu cũ thuộc thành phố M, tỉnh Tiền Giang gặp người tên TR mua 01 gói ma túy đá với giá 450.000 đồng, rồi điều khiển xe mô tô về nhà nghỉ số 168 thuộc Khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre thuê phòng trọ số 03 gặp bạn gái tên Nguyễn Thị Ngọc T để cùng sử dụng. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 02/01/2018 lực lượng Công an vào kiểm tra, phát hiện nên mời A về trụ sở làm việc và thu giữ gói ma túy.

[2] Xét tình tiết người bào chữa cho bị cáo đưa ra cấp sơ thẩm có vi phạm thủ

tục tố tụng trong việc lấy lời khai của chị Ngọc T (BL 91-94) không ghi ngày, giờ, tháng, năm và khi lấy lời khai của bị cáo (BL 64-74) Điều tra viên không ký vào biên bản lấy lời khai. Xét đây là việc vi phạm thủ tục tố tụng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, các văn bản này không làm chứng cứ duy nhất để kết tội đối với bị cáo, lời khai của chị T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo và các chứng cứ khác đã được thu thập.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A thừa nhận tép ma túy bị thu giữ là của bị cáo, phù hợp các chứng cứ đã được thu thập, tép ma túy qua giám định có trọng lượng 0,6047 gam, loại methamphetamine. Bị cáo cho rằng bị cáo mua ma túy về để sử dụng, không để bán. Hành vi mua chất ma túy để sử dụng theo luật định là hành vi tàng trữ chất ma túy và với trọng lượng ma túy bị thu giữ nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Quốc A phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có cơ sở, đúng luật định nên không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm.

[4] Xét yêu cầu trả lại xe của bị cáo, thấy rằng xe mô tô biển số 71B2-614.58 thuộc sở hữu của bị cáo, bị cáo sử dụng xe làm phương tiện đi mua ma túy về để sử dụng, xe dùng vào việc phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm tịch thu sung quỹ Nhà nước (nay được quy định là tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước) là phù hợp, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo về yêu cầu trả lại xe cho bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc A phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo **Trần Quốc A** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B2-614.58 nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn trắng đỏ, số máy E3R7E049592, số khung: 9210FY049586, số loại Novou SX để sung vào ngân sách Nhà nước do Trần Quốc A đứng tên.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Trần Quốc A phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng

ng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C (3b);
- Công an và VKSND huyện C (2b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND phường P- tp Bến Tre (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tỉnh